

Số: 66/2026/QĐST-LĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Lê Sỹ Trứ.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Xuân Dũng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 91/2026/TLST-LĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 54/2026/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: thôn P, xã C, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ liên lạc: số C, tổ B, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Công ty TNHH E; địa chỉ: Đường số A, khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; trú tại: A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 12/3/2026. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Hồ Thị T trình bày:

Khoảng tháng 01 năm 2026, bà Hồ Thị T đi làm thủ tục, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của bà Hồ Thị T bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 03

năm 2011. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào khoảng tháng 10 năm 2010 có người đã sử dụng thông tin của bà Hồ Thị T để ký kết hợp đồng lao động với C với mã số sổ bảo hiểm là 7410228759. Vì vậy, bà Hồ Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hồ Thị T và C là vô hiệu. Bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Trong quá trình giải quyết Công ty TNHH E đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 178; Điều 366; Điều 367; Điều 369 và Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty TNHH E đều vắng mặt không rõ lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D (viết tắt là BHXH) thống nhất trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH của C cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Hồ Thị T, sinh năm 1988, số chứng minh nhân dân 186797386, số CCCD 040188012687, với mã số BHXH 7410228759 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 08 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011 tại C chưa hưởng chế độ BHXH một lần và bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Hồ Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Hồ Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. C vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011, người lao động tên Hồ Thị T giao kết hợp đồng lao động với C và được C tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410228759. Tuy nhiên, bà Hồ Thị T thừa nhận người ký hợp đồng lao động C1 và thực tế làm việc tại công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011 là một người khác (không xác định được).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà Hồ Thị T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011, bà Hồ Thị T đang làm việc tại công ty TNHH E1, tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9107080111. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với C trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011, không phải là bà Hồ Thị T.

Theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTĐ-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: “*... Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc người khác sử dụng thông tin cá nhân của bà Hồ Thị T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410228759 từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011 tại với C là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu bà Hồ Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hồ Thị T với C theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410228759 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “*... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị T và ý kiến của bà Hồ Thị T về việc xác định người lao động tại C trong giai đoạn từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011, không phải là bà Hồ Thị T. Bà Hồ Thị T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410228759.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Hồ Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hồ Thị T với C (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410228759) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410228759 không phải bà Hồ Thị T, sinh năm 1988, quốc tịch: Việt Nam, số chứng minh nhân dân 186797386, số CCCD 040188012687. Bà Hồ Thị T được quyền liên hệ với C2 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410228759.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0015068 ngày 11/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lê Sỹ Trứ

